

Lịch 2026

Năm Bính Ngọ · ngày lễ theo Bộ luật Lao động 2019 và Nghị quyết 28/2026/QH16, lịch nghỉ của công chức · tuần bắt đầu thứ Hai

13 ngày lễ và nghỉ bù · 249 ngày công

Vòng tròn: ngày lễ, nghỉ bù · Nét đứt: tham khảo

Ồ vuông: nghỉ hoán đổi · Gạch trên: làm bù

Ồ xám: Chủ nhật, ngày lễ

Số nhỏ: âm lịch (giờ Việt Nam) · Khung: mừng 1 · Gạch dưới: rằm

Tháng 1

tháng Mười Một 20/12-18/1 · tháng Chạp từ 19/1

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
			① 13	② 14	3 15	4 16
5	6	7	8	9	10	11
17	18	19	20	21	22	23
12	13	14	15	16	17	18
24	25	26	27	28	29	30
19 i/12	20 2	21 3	22 4	23 5	24 6	25 7
26	27	28	29	30	31	
8	9	10	11	12	13	

21 ngày công

Tháng 2

tháng Chạp 19/1-16/2 · tháng Giêng Bính Ngọ từ 17/2

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
						1 14
2	3	4	5	6	7	8
15	16	17	18	19	20	21
9	10	11	12	13	14	15
22	23	24	25	26	27	28
16 29	17 i/1	18 2	19 3	20 4	21 5	22 6
23	24	25	26	27	28	
7	8	9	10	11	12	

15 ngày công

Tháng 3

tháng Giêng Bính Ngọ 17/2-18/3 · tháng Hai từ 19/3

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
						1 13
2	3	4	5	6	7	8
14	15	16	17	18	19	20
9	10	11	12	13	14	15
21	22	23	24	25	26	27
16	17	18	19 i/2	20	21	22
28	29	30	2	3	4	
23	24	25	26	27	28	29
5	6	7	8	9	10	11
30 12	31 13					

22 ngày công

Tháng 4

tháng Hai 19/3-16/4 · tháng Ba từ 17/4

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
			1 14	2 15	3 16	4 17
6	7	8	9	10	11	12
19	20	21	22	23	24	25
13	14	15	16	17	18	19
26	27	28	29	1/3	2	3
20	21	22	23	24	25	26
4	5	6	7	8	9	10
27 11	28 12	29 13	30 14			

20 ngày công

Tháng 5

tháng Ba 17/4-16/5 · tháng Tư từ 17/5

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
				① 15	2 16	3 17
4	5	6	7	8	9	10
18	19	20	21	22	23	24
11	12	13	14	15	16	17
25	26	27	28	29	30	1/4
18	19	20	21	22	23	24
2	3	4	5	6	7	8
25	26	27	28	29	30	31
9	10	11	12	13	14	15

20 ngày công

Tháng 6

tháng Tư 17/5-14/6 · tháng Năm từ 15/6

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
1	2	3	4	5	6	7
16	17	18	19	20	21	22
8	9	10	11	12	13	14
23	24	25	26	27	28	29
15	16	17	18	19	20	21
1/5	2	3	4	5	6	7
22	23	24	25	26	27	28
8	9	10	11	12	13	14
29	30					
15	16					

22 ngày công

Tháng 7

tháng Năm 15/6-13/7 · tháng Sáu từ 14/7

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
			1 17	2 18	3 19	4 20
6	7	8	9	10	11	12
22	23	24	25	26	27	28
13	14	15	16	17	18	19
29	1/6	2	3	4	5	6
20	21	22	23	24	25	26
7	8	9	10	11	12	13
27	28	29	30	31		
14	15	16	17	18		

23 ngày công

Tháng 8

tháng Sáu 14/7-12/8 · tháng Bảy từ 13/8

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
					1 19	2 20
3	4	5	6	7	8	9
21	22	23	24	25	26	27
10	11	12	13	14	15	16
28	29	30	1/7	2	3	4
17	18	19	20	21	22	23
5	6	7	8	9	10	11
24	25	26	27	28	29	30
12	13	14	15	16	17	18
31 19						

21 ngày công

Tháng 9

tháng Bảy 13/8-10/9 · tháng Tám từ 11/9

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
	① 20	② 21	3 22	4 23	5 24	6 25
7	8	9	10	11	12	13
26	27	28	29	1/8	2	3
14	15	16	17	18	19	20
4	5	6	7	8	9	10
21	22	23	24	25	26	27
11	12	13	14	15	16	17
28	29	30				
18	19	20				

20 ngày công

Tháng 10

tháng Tám 11/9-9/10 · tháng Chín từ 10/10

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
			1 21	2 22	3 23	4 24
5	6	7	8	9	10	11
25	26	27	28	29	1/9	2
12	13	14	15	16	17	18
3	4	5	6	7	8	9
19	20	21	22	23	24	25
10	11	12	13	14	15	16
26	27	28	29	30	31	
17	18	19	20	21	22	

22 ngày công

Tháng 11

tháng Chín 10/10-8/11 · tháng Mười từ 9/11

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
						1 23
2	3	4	5	6	7	8
24	25	26	27	28	29	30
9	10	11	12	13	14	15
1/10	2	3	4	5	6	7
16	17	18	19	20	21	22
8	9	10	11	12	13	14
23	24	25	26	27	28	29
15	16	17	18	19	20	21
30						
22						

20 ngày công

Tháng 12

tháng Mười 9/11-8/12 · tháng Mười Một từ 9/12

T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN
	1	2	3	4	5	6
	23	24	25	26	27	28
7	8	9	10	11	12	13
29	30	1/11	2	3	4	5
14	15	16	17	18	19	20
6	7	8	9	10	11	12
21	22	23	24	25	26	27
13	14	15	16	17	18	19
28	29	30	31			
20	21	22	23			

23 ngày công

Ngày lễ

- ① T5 1/1 **Tết Dương lịch**
- ② T6 2/1 **Nghỉ hoán đổi Tết Dương lịch** (tham khảo)
- 10 T7 10/1 **Làm bù Tết Dương lịch** (tham khảo)
- 16 T2 16/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
- 17 T3 17/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
- 18 T4 18/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
- 19 T5 19/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
- 20 T6 20/2 **Tết Nguyên đán** (tham khảo)
- 26 CN 26/4 **Giỗ Tổ Hùng Vương**

- 27 T2 27/4 **Nghỉ bù Giỗ Tổ Hùng Vương**
- 30 T5 30/4 **Ngày Chiến thắng**
- ① T6 1/5 **Ngày Quốc tế Lao động**
- 22 T7 22/8 **Làm bù Quốc khánh** (tham khảo)
- 31 T2 31/8 **Nghỉ hoán đổi Quốc khánh** (tham khảo)
- ① T3 1/9 **Quốc khánh** (tham khảo)
- ② T4 2/9 **Quốc khánh**
- 24 T3 24/11 **Ngày Văn hóa Việt Nam**